TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 303/2023/DS - ST
Ngày: 28 – 12 – 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

2. Bà **Trần Thị Dung**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 924/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 339/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Hồng H**, sinh năm 1969.
  Địa chỉ: 195/5 đường 3/2, phường H1, quận N, thành phố C.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hoàng N1**, sinh năm 1988 (vắng mặt).
  Địa chỉ: 160D T, phường H1, quận N, thành phố C.
- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:
  1. Bà **Trương Thị B**, sinh năm 1989 (vắng mặt).
  2. Bà **Nguyễn Thị Kim L** (vắng mặt).
  Địa chỉ: 160D T, phường H1, quận N, thành phố C.
  3. Bà **Nguyễn Phạm Bảo T**, sinh năm 1994 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).
  Địa chỉ: Ấp N2, xã N3, huyện P, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H trình bày*:**

Thông qua mối quan hệ quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Hoàng N1 vay số tiền là 1.270.500.000 đồng *(một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng)*. Thời hạn

vay là 06 tháng, lãi suất theo thỏa thuận nhưng phải đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ thời điểm vay mượn đến nay phía ông N1 không trả cho bà bất cứ khoảng tiền nào kể từ thời điểm ký biên nhận mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông N1 trả nợ. Xin nói thêm, trong Giấy thỏa thuận mượn tiền phía ông N1 có ghi nhận thế chấp tài sản là thửa đất số 246, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại Khu vực 2 đường T, phường H1, quận N, thành phố C theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR873433 (số vào sổ cấp GCN: CH09413) do UBND quận N cấp ngày 08/10/2019 cho bà. Bên ông N1 và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim L đã ký hợp đồng thuê nhà ngày 01/01/2023 với bà để đảm bảo cho khoảng vay trên. Tuy nhiên, sau đó bà biết được phía ông Nguyễn Hoàng N1 đã thế chấp tài sản này cho Ngân hàng để vay tiền và ký hợp đồng ủy quyền tài sản cho bà Nguyễn Phạm Bảo T.

Do quyền lợi bị ảnh hưởng nên bà khởi kiện:

- Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.270.500.000 đồng (một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi trong hạn phát sinh tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023.

- Yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật, yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

Rất mong Tòa án nhân dân quận N, thành phố C chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B, bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phạm Bảo T trình bày:

Giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N1, Trương Thị B có ký Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2022, số công chứng 1354, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại VPCC Chử Duy Thanh. Theo nội dung hợp đồng ủy quyền, phía ông N1 và bà B ủy quyền cho bà được thực hiện các công việc sau:

- Liên hệ với Ngân hàng thực hiện thủ tục thanh toán khoản nợ vay; ký tên trên các Văn bản thanh lý nợ, nhận giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ Ngân hàng,

- Liên hệ với các Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục đăng ký xóa thế chấp, xóa giao dịch đảm bảo và thực hiện các thủ tục cần thiết khác có liên quan;

- Sau khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, bên B được quyền thay mặt và nhân danh bên A thực hiện giao dịch thế chấp, thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, cho thuê, tặng cho, góp vốn, chuyển nhượng (kể cả việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thanh lý, chấm dứt các giao dịch trên).

Trong phạm vi ủy quyền, Bên B được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân; ký tên trên hợp đồng, văn bản, giấy tờ; nhận đặt cọc, đóng các loại thuế, phí, lệ phí, nhận tiền mặt hoặc thông qua tài khoản ngân hàng (nếu có), nộp hồ sơ, nhận kết quả (kể cả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) và thực hiện các công việc cần thiết khác có liên quan không trái pháp luật để thực hiện nội dung công việc đã được ủy quyền.

Bên được ủy quyền thực hiện công việc theo nội dung ủy quyền trên không hưởng thù lao và bên được ủy quyền được quyền ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc được ủy quyền nói trên.

Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền nêu trên, bà đã nhiều lần trả nợ thay cho ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trương Thị B tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank) theo các tháng 02,03,4,5 và 6 của năm 2023 với số tổng số tiền đã trả là 43.680.000 đồng (*bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Việc trả nợ thay được thực hiện bằng việc chuyển khoản từ tài khoản của bà tại VCB C số tk 0111086524 (chuyển khoản tháng 02/2023) tới số tài khoản thanh toán nợ của ông Nguyễn Hoàng N1, số tk 5907040253666 tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank) và số tài khoản của bà tại Vietinbank C (chuyển khoản tháng 03,4,5,6/2023) tới số tài khoản thanh toán nợ của ông Nguyễn Hoàng N1, số tk 5907040253666 tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank).

Ngoài ra giữa bà và vợ chồng ông N1, bà B còn các giao dịch vay mượn khác.

Hiện nay, bà được biết ông Nguyễn Hoàng N1 và gia đình còn nợ bà Phạm Thị Hồng H số tiền là 1.270.500.000 đồng *(một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng)*, phía ông N1 có thế chấp tài sản là thửa đất số 246, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại Khu vực 2 đường T, phường H1, quận N, thành phố C theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR873433 (số vào sổ cấp GCN: CH09413) do UBND quận N cấp ngày 08/10/2019 cho bà H, bên ông N1 và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim L có ký hợp đồng thuê nhà ngày 01/01/2023 với bà H để đảm bảo cho khoảng vay trên – đây cũng là tài sản ông N1, bà B đã ký Hợp đồng ủy quyền cho bà.

Ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trương Thị B, mẹ ruột bà Nguyễn Thị Kim L hiện tại cố tình lánh mặt không gặp gỡ bà và cả bà H.

Bà H đang kiện ông N1 tại Tòa án, bà có ý kiến như sau:

- Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về Hợp đồng ủy quyền giữa bà và vợ chồng ông N1, bà B bà chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà sẽ tự chịu trách nhiệm và có khởi kiện sau với ông N1, bà B.

Do điều kiện công việc nên bà xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (nếu có). Bà cam kết không có khiếu nại gì đối với việc Tòa án xét xử vắng mặt bà.

***Tại phiên toà hôm nay*:**

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 1.270.500.000 đồng (một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi trong hạn 10%/năm phát sinh tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, tổng lãi của 06 tháng là **63.587.500 đồng**.

- Yêu cầu tính lãi quá hạn 15%/năm phát sinh từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/12/2023 là 05 tháng 28 ngày, lãi tổng cộng là **94.228.750 đồng.**

- Và yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ.

- Đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B, bà Nguyễn Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, tại UBND phường H1 và tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận N nhưng bị đơn ông N1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, bà Kim L vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phạm Bảo T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vừa nêu trên là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý*: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện bằng Giấy thỏa thuận mượn tiền, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận N, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

3.1 Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H và bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 có giao dịch vay

mượn thể hiện bằng "*Giấy thỏa thuận mượn tiền*" ngày 01/01/2023, số nợ được xác lập là 1.270.500.000 đồng (*một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng*). Tại phiên tòa nguyên đơn đã xuất trình được bản chính của "*Giấy thỏa thuận mượn tiền*" ngày 01/01/2023 và 01 "*Hợp đồng đồng thuê nhà"* ký ngày 01/01/2023. Theo đơn khởi kiện, tự khai của nguyên đơn xác định việc vay mượn bên bị đơn có đề cập đến việc thế chấp tài sản là thửa đất số 246, tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại Khu vực 2 đường T, phường H1, quận N, thành phố C theo GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR873433 (số vào sổ cấp GCN: CH09413) do UBND quận N cấp ngày 08/10/2019. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cho bà H, bên ông N1 và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Kim L có ký hợp đồng thuê nhà ngày 01/01/2023 với bà H để đảm bảo cho khoảng vay trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H xác định nội dung Giấy thỏa thuận mượn tiền ghi nhận thế chấp nhà đất nhưng bên bị đơn không giao giấy tờ bản chính có liên quan đến tài sản mà chỉ đảm bảo cho nguyên đơn bằng chính *"Hợp đồng đồng thuê nhà"* ký ngày 01/01/2023 giữa bị đơn cùng mẹ ruột bà Nguyễn Thị Kim L.

Đồng thời, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Phạm Bảo T đã nộp, cụ thể là Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2022, số công chứng 1354, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại VPCC Chử Duy Thanh. Theo Hợp đồng ủy quyền ký ngày 09/12/2022 thì tài sản là GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR873433 (số vào sổ cấp GCN: CH09413) đã được bị đơn thế chấp tại Ngân hàng, hợp đồng ủy quyền trên được ký kết trước thời điểm bị đơn ký mượn nợ với nguyên đơn. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của nguyên đơn về việc không nhận giữ bản chính của GCNQSDĐ QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR873433 (số vào sổ cấp GCN: CH09413) do UBND quận N cấp ngày 08/10/2019 của bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng giao dịch vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 1.270.500.000 đồng (*một tỉ hai trăm bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng*) là có căn cứ chấp nhận.

3.2 Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể yêu cầu lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm. Hội đồng xét xử căn cứ vào thỏa thuận của "*Giấy thỏa thuận mượn tiền*", trong phần nội dung vay mượn các bên có thỏa thuận lãi vay là "*lãi suất vay do các bên tự thỏa thuận nhưng không trái với quy định của pháp luật*". Như vậy, cả hai có ghi nhận việc tính lãi nhưng không ghi nhận lãi cụ thể nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng mức lãi suất là

10%/năm, tương ứng lãi 0,83%/tháng. Việc vay mượn các bên xác định có thời hạn 06 tháng tính từ ngày vay 01/01/2023 đến 30/6/2023 nên lãi trong hạn được tính từ ngày vay 01/01/2023 đến 30/6/2023 và do bị đơn chậm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc nên mức lãi suất quá hạn được tính là 150% của lãi trong hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, lãi quá hạn được tính từ ngày 01/7/2023 đến 28/12/2023. Đối với yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Lãi suất cụ thể là:

- Lại trong hạn tính từ ngày vay 01/01/2023 đến 30/6/2023 là 06 tháng, cụ thể: 1.270.500.000 đồng x 0,833% x 06 tháng = 63.525.000 đồng.

- Lãi quá hạn được tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 05 tháng 27 ngày, cụ thể: 1.270.500.000 đồng x 1,25% x 05 tháng 27 ngày = 93.699.375 đồng.

Đối với hợp đồng thuê nhà ký ngày 01/01/2023 giữa nguyên đơn với bị đơn ông N1 và bà Kim L, nguyên đơn trình bày rằng chỉ là giả cách cho việc vay tài sản, hợp đồng không có chứng thực của công chứng về giao dịch cho thuê và tại phiên tòa nguyên đơn cũng không yêu cầu xem xét về hợp đồng thuê nhà này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với phần trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Phạm Bảo T, bà T cho rằng: Giữa bà và vợ chồng ông Nguyễn Hoàng N1, Trương Thị B có ký Hợp đồng ủy quyền ngày 09/12/2022, số công chứng 1354, quyển số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD tại VPCC Chử Duy Thanh. Căn cứ vào Hợp đồng ủy quyền nêu trên, bà trình bày là đã nhiều lần trả nợ thay cho ông Nguyễn Hoàng N1 và bà Trương Thị B tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank) theo các tháng 02,03,4,5 và 6 của năm 2023 với số tổng số tiền đã trả là 43.680.000 đồng (*bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng*). Việc trả nợ thay được thực hiện bằng việc chuyển khoản từ tài khoản của bà tại VCB C số tk 0111086524 (chuyển khoản tháng 02/2023) tới số tài khoản thanh toán nợ của ông Nguyễn Hoàng N1, số tk 5907040253666 tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank) và số tài khoản của bà tại Vietinbank C (chuyển khoản tháng 03,4,5,6/2023) tới số tài khoản thanh toán nợ của ông Nguyễn Hoàng N1, số tk 5907040253666 tại Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex (PGBank). Ngoài ra giữa bà và vợ chồng ông N1, bà B còn các giao dịch vay mượn khác. Tuy nhiên, về Hợp đồng ủy quyền giữa bà và vợ chồng ông N1, bà B bà chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Bà sẽ tự chịu trách nhiệm và có khởi kiện sau với ông N1, bà B. Do đây là trình bày của đương sự và bà Nguyễn Phạm Bảo T cũng không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 1.427.724.375 đồng, án phí tương ứng: 36.000.000 đồng + (3% phần vượt quá 800.000.000 đồng) = 54.831.731 đồng *(năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)*.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H được nhận lại 25.057.500 đồng (*hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000007 ngày 21/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1. Buộc ông Nguyễn Hoàng N1 có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hồng H số tiền nợ gốc và lãi là 1.427.724.375 đồng (trong đó nợ gốc là *1.270.500.000 đồng* và *lãi 157.224.375 đồng*). Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số nợ (gốc và lãi) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N1 phải chịu: 54.831.731 đồng *(năm mươi bốn triệu tám trăm ba mươi mốt ngàn bảy trăm ba mươi mốt đồng)*.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng H được nhận lại 25.057.500 đồng (*hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000007 ngày 21/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố C.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *Chi cục THADSQNK;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG